TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2017/HSST.
Ngày 27.7.2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Việt Hương.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Vàng Thị Bình và Lò Văn Quân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thị Lượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2017/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo thứ nhất:

Họ và tên: **Quàng Văn T**; tên gọi khác: **Không**; sinh năm: 1972.
Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Bản N, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên.
Dân tộc: Kháng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không.
Nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa: Không biết chữ.
Con ông: Quàng Văn T, (đã chết); con bà: Lò Thị B, sinh năm 1944.
Vợ bị cáo: Lò Thị T, sinh năm: 1973.
Bị cáo có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1992 con nhỏ nhất sinh năm 2008.
Tiền án: Không; tiền sự: Không.
Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28/3/2017 và tạm giam từ ngày 31/3/2017 cho đến nay. Bị cáo được trích xuất áp giải có mặt phiên tòa.

***** Người bào chữa cho bị cáo Quàng Văn T: Ông Đỗ Xuân Toán, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, (có mặt).

2. Bị cáo thứ hai:

Họ và tên: **Lường Thị P**; tên gọi khác: Lò Thị P; sinh năm: 1962.
Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Bản M, xã R, huyện T, tỉnh Điện Biên.
Dân tộc: Kháng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không.
Nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa: Không biết chữ.
Con ông: Lò Văn M, (đã chết); con bà: Lò Thị P, (đã chết).

Chồng bị cáo: Lường Văn G (đã chết) và có 06 người con, con lớn nhất sinh năm 1980, con nhỏ nhất sinh năm 2005.

Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28/3/2017 và tạm giam từ ngày 31/3/2017 cho đến nay. Bị cáo được trích xuất áp giải có mặt phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Lường Thị P: Ông Đỗ Xuân Toán, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, (có mặt).

- Người phiên dịch cho bị cáo Lường Thị P: Bà Cà Thị T; sinh năm: 1988; trú tại: Bản N, xã R, huyện Tuần G, tỉnh Điện Biên, (có mặt).

3. Bị cáo thứ ba:

Họ và tên: **Tòng Thị N**; tên gọi khác: Cà Thị N; sinh năm: 1982.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Bản P, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa: Không biết chữ.

Con ông: Tòng Văn B, (đã chết); con bà: Cà Thị X, (đã chết).

Chồng bị cáo: Điêu Văn T, (Đã chết) và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2003.

Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 29/3/2017 và tạm giam từ ngày 01/4/2017 cho đến nay. Bị cáo được trích xuất áp giải có mặt phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo Tòng Thị N: Bà Lê Thị Diệu, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, (có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**: Sùng A Q; sinh năm: 1992.

Trú tại: Bản H, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên, (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Quàng Văn T Lường Thị P, Tòng Thị N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo truy tố về hành vi phạm tội như sau: Hồi 09 giờ 30 phút ngày 28/3/2017, tổ công tác Công an huyện T đang làm nhiệm vụ tại bản N, xã N, huyện T, phát hiện Quàng Văn T, sinh năm 1972, trú tại bản N, xã T, huyện T và Lường Thị P, sinh năm 1962, trú tại bản M, xã R, huyện T đang tàng trữ trái phép chất ma túy, tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang thu giữ trong túi quần đang mặc của T 03 (ba) gói Hêrôin, tạm giữ 01 xe máy nhãn hiệu MERITUS màu sơn đỏ đen; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia loại Q630i và số tiền 510.000 đồng của T và dẫn giải Quàng Văn T và Lường Thị P về trụ sở Công an huyện Tuần Giáo để điều tra làm rõ. Tại cơ quan điều tra T, P khai nhận, 03 (ba) gói Hêrôin Công an thu giữ là Hêrôin của T và P vừa mua của Tòng Thị N, trú tại bản P, xã N, huyện T với giá 600.000 đồng với mục đích để sử dụng và bán lẻ kiếm lời, nhưng chưa kịp bán cho ai thì bị phát hiện, bắt giữ.

Căn cứ lời khai của Quàng Văn T và Lường Thị P. Cùng ngày Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật, vùng phụ cận

đối với Tòng Thị N. Quá trình khám xét Cơ quan điều tra không thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài sản gì liên quan đến vụ án và dẫn giải Tòng Thị N về trụ sở Công an huyện Tuần Giáo để điều tra làm rõ.

Ngày 29/3/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành mở niêm phong xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong lại vật chứng. Qua cân xác định trọng lượng 03 gói Hêrôin thu giữ của Quàng Văn T vào ngày 28/3/2017 có trọng lượng 0,68 gam trích lấy 0,11 gam làm mẫu vật gửi giám định. Ngày 31/3/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 58/QĐTCGĐ. Tại Kết luận giám định số: 389/GĐ-PC54 ngày 03/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: " *mẫu chất bột màu trắng trích ra từ vật chứng thu giữ của Quàng Văn Tem gửi giám định là chất ma túy: Loại Hêrôin*".

Tại Cơ quan điều tra Quàng Văn T và Lường Thị P đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình cụ thể như sau:

Lần 1: Vào khoảng 12 giờ trưa ngày 25/3/2017, Tem đi xe máy đến nhà Lường Thị P, trú tại bản M, xã R, huyện T. Khi đến nhà P, T thấy P ở nhà một mình, T nói với P "Bà ơi hết Hêrôin ăn rồi cháu đi tìm mua Hêrôin đây", P nói "cho bà đi với" T đồng ý và chở bà P lên trên bản P, xã N, huyện T để tìm mua Hêrôin, khi đến khu vực bản P, xã N T, Pgặp một người đàn ông T, P không biết tên, địa chỉ đang đứng ở ven đường. T dừng xe, P ra hỏi người đàn ông đó "cháu ơi, ở đây có biết chỗ nào bán Hêrôin không? Chỉ cho bà với", người đàn ông đó nói với P "Bà vào nhà Tòng Thị N hỏi xem", rồi chỉ vào ngôi nhà gần đó. Sau đó T và P đi vào nhà người đàn ông đó chỉ. Khi vào nhà, T, Pgặp một người phụ nữ, T hỏi "Chị N à?", người phụ nữ đó trả lời "Đúng rồi, chị N đây có việc gì?". T hỏi "chị có Hêrôin bán không? Bán cho em hai trăm nghìn", N trả lời "Có, đưa tiền đây". P cũng nói với N "Bán cho bà hai trăm nghìn nữa", N đồng ý. Sau đó T và P lấy tiền đưa cho N, N nhận tiền T, P đưa rồi lấy trong túi vải đeo trên người N ra 02 gói Hêrôin được gói bằng túi nilon màu hồng đưa cho T 01 gói Hêrôin và đưa cho P 01 gói Hêrôin. Việc trao đổi mua bán Hêrôin lúc đó chỉ có T, P và N biết với nhau, ngoài ra không ai biết, tham gia cùng. Mua được Hêrôin T lấy xe máy chở P đi về, trên đường về đến khu vực nhà máy khai thác chì thuộc bản N, xã N, huyện T, T dừng xe rồi cùng P đi vào trong bụi rậm ven đường để sử dụng Hêrôin, T trích hết gói Hêrôin của T còn P thì hít hết gói Hêrôin của P. Sử dụng xong Hêrôin T, P đi về nhà.

Lần 2: Vào khoảng 08 giờ ngày 28/3/2017, T đang ngủ ở nhà Lường Thị P, thì P gọi T dậy P rủ T đi mua Hêrôin về bán. T đồng ý và nói với P "Cháu còn mấy trăm nghìn thôi", P nói với Te "Mấy trăm nghìn cũng được, bà hết tiền rồi". Sau đó T và P xuống dưới gầm sàn nhà P, T lấy xe máy đèo P đi lên nhà Tòng Thị N, trú tại bản P, xã N, huyện T, khi đến cổng nhà Tòng Thị N, T dừng xe, P nói với T "Đưa tiền đây để bà vào mua", T đồng ý và lấy trong người ra 600.000 đồng đưa cho P. P nhận tiền và nói T đứng ở ngoài cổng đợi, rồi P đi vào nhà Tòng Thị N. Vào nhà P gặp Tòng Thị N đang ngồi ở bếp trong nhà một mình, P hỏi N "Còn Hêrôin không? Bán cho bà một ít", N trả lời "Còn, bà đưa tiền đây". P lấy trong người ra 600.000 đồng đưa tiền cho N. N nhận tiền P đưa rồi đi đâu P không rõ, lúc sau quay lại đưa cho P 03 gói Hêrôin trong

đó 01 gói được gói bằng túi nilon màu hồng và 02 gói được gói bằng túi nilon màu trắng. P nhận 03 gói Hêrôin N đưa. Việc trao đổi, mua bán Hêrôin lúc đó chỉ có P và N biết với nhau, ngoài ra không có ai biết, tham gia cùng. Mua được Hêrôin P đi ra cổng rồi cùng T đi về. Trên đường về T và P rẽ vào khu vực nhà máy khai thác chì thuộc bản N, xã N, huyện T. Tem dừng xe rồi hai người đi bộ vào trong bụi rậm ven đường. P đưa cho T 03 gói Hêrôin vừa mua được của N. T nhận lấy 03 gói Hêrôin P đưa cho vào túi quần rồi lấy ra 01 gói Hêrôin được gói bằng túi nilon màu trắng dùng tay cấu lấy một ít Hêrôin cho vào xi lanh của T, thấy vậy P lấy mảnh giấy bạc trong người chìa ra trước mặt T và P xin "Cho bà một ít chơi đi". T đồng ý và cấu lấy một ít Hêrôin cho vào mảnh giấy bạc cho P. Sau đó P tự đốt Hêrôin để sử dụng bằng hình thức hít, còn T pha lỏng Hêrôin rồi tự trích. Sau khi sử dụng xong, T gói lại phần Hêrôin chưa sử dụng, rồi nhặt ở chỗ vừa sử dụng Hêrôin một mảnh túi nilon màu trắng gói 03 gói Hêrôin lại cho vào túi quần bên trái T đang mặc. Sau đó T, P đi ra ngồi lên xe máy để về nhưng chưa kịp đi thì có tổ công tác Công an huyện Tuần Giáo đến phát hiện, bắt giữ. Đối với Tòng Thị N trong suốt quá trình điều tra, Tòng Thị N không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình cho Quàng Văn T và Lường Thị P vào các ngày 25 và ngày 28/3/2017. Nhưng căn cứ vào kết quả điều tra cũng như căn cứ vào các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo, biên bản nhận dạng, biên bản đối chất của Quàng Văn T và Lường Thị P đủ cơ sở để kết luận Tòng Thị N phạm tội mua bán trái phép chất ma túy.

Tại bản Cáo trạng số: 52/QĐ-VKS-HS ngày 03 tháng 7 năm 2017, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đã truy tố bị cáo Quàng Văn T và bị cáo Lường Thị P về tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự; bị cáo Tòng Thị N về tội: Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Quàng Văn T từ 24 tháng đến 30 tháng tù, xử phạt bị cáo Lường Thị P từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tòng Thị N từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự. Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong màu trắng các mép đều được dán kín có trọng lượng 0,57 gam Hêrôin, 01 gói niên phong màu trắng hoàn mẫu theo kết luận số: 389/GĐ-PC54. Đối với số tiền 510.000đ (*năm trăm mười nghìn đồng*) do bị cáo Quàng Văn T bán xe máy mà có, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, bị cáo T mua để sử dụng liên lạc với người thân trong gia đình, số tiền và điện thoại trên không liên quan đến hành vi phạm tội, nên đề nghị trả lại cho bị cáo T; đối với 01 xe máy nhãn hiệu MERITUS màu sơn đỏ đen bị cáo Quàng Văn T mượn của anh Sùng A Q đi mua ma túy, nhưng bị cáo T không nói cho anh Q biết, nên đề nghị trả lại xe máy trên cho anh Q. Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết

số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Quàng Văn T nhất trí với bản Cáo trạng, Luận tội của Viện kiểm sát về phần tội danh. Bị cáo đã giúp cơ quan điều tra phát hiện, điều tra tội phạm; bị cáo mua ma túy để sử dụng ai mua thì bán, nhưng chưa bán được cho ai; bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, không được đi học, nên nhận thức về pháp luật hạn chế. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p, điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật cho bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại di động và số tiền 510.000đ.

Người bào chữa cho bị cáo Lường Thị P đề nghị: Bị cáo không có tiền nên ngày 28/3/2017 đi theo bị cáo Quàng Văn T để xin ma túy xử dụng. Mặc dù bị cáo P là người trực tiếp mua ma túy, nhưng là tiền của bị cáo T và chỉ có bị cáo T có mục đích ai hỏi mua thì bán, nên bị cáo P không phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p, điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình năm 1999, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật cho bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Tòng Thị N đề nghị: Việc kết tội bị cáo Tòng Thị N chỉ dựa vào lời khai của bị cáo Quàng Văn T, bị cáo Lường Thị P. Công an bắt người phạm tội quả tang bị cáo T, bị cáo P lúc 09 giờ 30 phút ngày 28/3/2017, đến 12 giờ ngày 28/3/2017 Công an khám nhà bị cáo N nhưng không thu giữ được gì, như tiền đã bán Hêrôin cho P. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các chứng cứ kết tội N, còn nhân thân của bị cáo N từng có 02 tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy, đây không phải là chứng cứ kết tội đối với N. Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, không được đi học, nên nhận thức về pháp luật hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung; miễn án phí hình sự sơ thẩm bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của bị cáo, người bào chữa và Kiểm sát viên.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Quàng Văn T và bị cáo Lường Thị P đã khai và thừa nhận: Bị cáo T, bị cáo P hai lần mua Hêrôin của Tòng Thị N để sử dụng và bán lẻ như sau. Lần 1 vào khoảng 12 giờ, trưa ngày 25/3/2017 tại nhà bị cáo N ở bản P, xã N, bị cáo N bán cho bị cáo T và bị cáo Pmỗi người 01 gói Hêrôin với giá 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*). Sau khi mua được Hêrôin bị cáo T và bị cáo P ra khu vực nhà máy khai thác chì thuộc bản N, xã N sử dụng hết; lần 2 vào khoảng 08 giờ ngày 28/3/2017 bị cáo T đưa cho bị cáo P số tiền 600.000đ (*sáu trăm nghìn đồng*) mua Hêrôin, mục đích để sử dụng và ai hỏi mua thì bán; khi đến cổng nhà bị cáo N, bị cáo T đứng ngoài chờ,

còn bị cáo P trực tiếp cầm 600.000đ vào trong nhà bị cáo Tòng Thị N mua được 03 gói Hêrôin; sau khi mua được Hêrôin bị cáo T và bị cáo P đã lấy Hêrôin ra sử dụng một ít số Hêrôin còn lại các bị cáo chưa kịp bán cho ai, cùng ngày 28/3/2017 các bị cáo Công an bắt quả tang thu giữ. Đối với bị cáo Tòng Thị N trong quá trình điều tra bị cáo không thừa nhận đã bán Hêrôin cho bị cáo Quàng Văn T và bị cáo Lường Thị P. Lời chối tội của bị cáo Tòng Thị N không có căn cứ chấp nhận. Bởi tại phiên tòa bị cáo T, bị cáo P khai từ trước đến nay không có mối quan hệ, mâu thuẫn gì với bị cáo N và các bị cáo đều khẳng định bị cáo N đã bán Hêrôin cho các bị cáo vào ngày 25/3, ngày 28/3/2017. Mặt khác tại phiên tòa bị cáo T khai địa điểm mua bán Hêrôin tại nhà ở của bị cáo N và nhà ở bị cáo Nướng có đặc điểm là nhà đất, lợp tôn phù hợp với lời khai về đặc điểm nhà ở của bị cáo N do bị cáo N khai tại phiên tòa. Lời khai của nhận tội của bị cáo T, bị cáo P đồng thời là chứng cứ buộc tội đối với bị cáo N phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và biên bản niêm phong vật chứng ngày 28/3/2017; biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản đối chất của bị cáo T, bị cáo P tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay; phù hợp với biên bản nhận dạng, bản ảnh nhận dạng đối với bị cáo N, biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng; kết luận giám định 0,68 gam chất bột màu trắng thu giữ của bị cáo Quàng Văn T, Lường Thị P gửi giám định là chất ma túy: Loại Hêrôin. Ngoài ra lời khai của bị cáo T, bị cáo P còn phù hợp với bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo, các tài liệu và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trong phần tranh luận, bị cáo T, bị cáo Phoàn toàn nhất trí với quan điểm truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên về phần tội danh cũng như khung hình phạt; bị cáo N không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Quàng Văn T và bị cáo Lường Thị P phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự; bị cáo Tòng Thị N phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Bởi vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo truy tố các bị cáo theo tội danh, điểm, khoản và điều luật nêu trên là hoàn toàn chính xác.

Xét tính chất và mức độ phạm tội thấy: Bị cáo Quàng Văn T và Lường Thị Pphạm tội nghiêm trọng, bị cáo Tòng Thị N phạm tội rất nghiêm trọng. Hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma tuý. Hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến trật tự trị an và an toàn xã hội trên địa bàn huyện Tuần Giáo nói riêng và tỉnh Điện Biên nói chung. Hiện nay tệ nạn nghiện chất ma túy tại huyện Tuần Giáo đang phát triển theo chiều hướng rất xấu trong một bộ phận thanh thiếu niên, tạo sự lo lắng cho toàn huyện Tuần Giáo. Nghiện chất ma túy không chỉ gây mất trật tự an toàn xã hội, băng hoại đạo đức thế hệ trẻ mà còn lây nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng qua đường tiêm chích. Các bị cáo nhận thức được việc mua bán trái phép chất ma túy là hành vi vi phạm pháp luật. Nhưng vì mục đích lợi nhuận, các bị cáo đã bất chấp pháp luật mua bán trái phép chất ma túy. Do vậy hành vi của các bị cáo cần được xử lý nghiêm khắc

theo quy định của pháp luật, mới có tác dụng phòng ngừa và kiên quyết đấu tranh chống tội phạm.

Xét tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng và nhân thân: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Quàng Văn T và bị cáo Lường Thị P thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo Quàng Văn T và bị cáo Lường Thị P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự. Ngày 11/12/2014 bị cáo Tòng Thị N chấp hành xong án phạt tù, ngày 28/3/2017 bị cáo phạm tội mới trong thời gian chưa được xóa án tích, nhưng theo quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 về việc áp dụng các điều khoản có lợi cho bị cáo. Bị cáo N đương nhiên được xóa án tích, nên không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo Quàng Văn T sinh ra lớn lên tại xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên, không được đi học, ở nhà lao động sản xuất; năm 1991 kết hôn; năm 1993 nghiện chất ma túy; ngày 28/3/2017 bị bắt về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo Lường Thị P sinh ra lớn lên tại xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên, không được đi học, ở nhà lao động sản xuất; năm 1979 kết hôn và sinh sống tại xã R, huyện T, tỉnh Điện Biên; năm 1987 nghiện chất ma túy; ngày 28/3/2017 bị bắt về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo Tòng Thị N sinh ra lớn lên tại xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên, không được đi học, ở nhà lao động sản xuất; năm 2001 kết hôn; năm 2006 bị Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xử phạt 72 tháng tù về các tội Mua bán, Tàng trữ, Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 31/8/2011 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống; năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên xử phạt 30 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, ngày 11/12/2014 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống; ngày 29/3/2017 bị bắt về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo Nướng đã nhiều lần được cải tạo tại trại giam, lẽ ra bị cáo nướng phải lấy đó làm bài học sống tốt hơn để nuôi dậy các con của bị cáo trưởng thành. Cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo thông qua hình phạt để răn đe, giáo dục các bị cáo thành người lương thiện, có ý thức tuân thủ pháp luật, đồng thời giúp bị cáo Tem và bị cáo Phanh cai nghiện chất ma túy.

Ngoài hình phạt chính, lẽ ra các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự. Xét thấy điều kiện kinh tế gia đình các bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và gia đình là hộ nghèo. Thu nhập của các bị cáo chỉ dựa vào sản xuất nông nghiệp, nên không có khả năng thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Quàng Văn T từ 24 tháng đến 30 tháng tù; bị cáo Lường Thị P từ 24 tháng đến 30 tháng tù; bị cáo Tòng Thị N từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, không phạt bổ sung bằng tiền và miễn án phí hình sự sơ

thẩm cho các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy là phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo, nên cần chấp nhận.

Xét đề nghị của người bào chữa đề nghị áp dụng điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình năm 1999, quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật cho bị cáo Quàng Văn T; áp dụng điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự 1999, khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của Bộ luật cho bị cáo Lường Thị P về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là không phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo P, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Tòng Thị N không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Vật chứng vụ án: Đối với 01 gói niêm phong màu trắng các mép đều được dán kín có trọng lượng 0,57 gam Hêrôin và 01 gói niên phong màu trắng hoàn mẫu theo kết luận số: 389/GĐ-PC54 cần tịch thu và tiêu hủy. Đối với số tiền 510.000đ (*năm trăm mười nghìn đồng*) do bị cáo Quàng Văn T bán xe máy mà có, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia bị cáo T mua để sử dụng liên lạc với người thân trong gia đình, số tiền và điện thoại trên không liên quan đến hành vì phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo Quàng Văn T; đối với 01 xe máy nhãn hiệu MERITUS màu sơn đỏ, đen bị cáo Quàng Văn T mượn của anh Sùng A Q đi mua ma túy, nhưng bị cáo T không nói cho anh Q biết, nên cần trả lại xe máy trên cho anh Q theo quy định tại Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và gia định thuộc diện nghèo, cần căn cứ vào Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Quàng Văn T, bị cáo Lường Thị P (Lò Thị P) và bị cáo Tòng Thị N (Cà Thị N) phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

2. Hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Quàng Văn T 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 28/3/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lường Thị P 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 28/3/2017.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Tòng Thị N 07 (*bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 29/3/2017.

3. Vật chứng: Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong màu trắng các mép đều được dán kín có trọng lượng 0,57 gam Hêrôin và 01 gói niên phong màu trắng hoàn mẫu theo kết luận số: 389/GĐ-PC54; trả lại cho bị cáo Quàng Văn T số tiền là: 510.000đ (*năm trăm mười nghìn đồng*) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Q630i vỏ màu đen; trả lại cho anh Sùng A Q 01 xe máy nhãn hiệu MERITUS màu sơn đỏ, đen theo Phiếu nhập kho số: PNKVC 59 ngày 20/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo.

4. Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/7/2017).

Anh Sùng A Q có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Công an huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Việt Hương